

Luật số: .../2026/QH16

DỰ THẢO 1
23.7.2026LUẬT
TRUNG MUA, TRUNG DỤNG TÀI SẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Trung mua, trung dụng tài sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về việc trung mua, trung dụng tài sản; quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc trung mua, trung dụng tài sản; quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trung mua, trung dụng; quyền và nghĩa vụ của người khác có liên quan đến việc trung mua, trung dụng tài sản.

2. Việc trung dụng đất, khu vực biển đã giao để thực hiện hoạt động lấn biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người có thẩm quyền quyết định trung mua, trung dụng tài sản.
- Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định trung mua, trung dụng tài sản.
- Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trung mua, trung dụng.
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tài sản trung mua, trung dụng (sau đây gọi là người có tài sản).
- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc trung mua, trung dụng tài sản.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trung mua, trung dụng tài sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trung mua tài sản* là việc Nhà nước mua tài sản của tổ chức (không bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), cá nhân, hộ gia đình thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do

quốc phòng, an ninh *hoặc* vì lợi ích quốc gia, *tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.*

2. *Trung dụng tài sản* là việc Nhà nước sử dụng có thời hạn tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh *hoặc* vì lợi ích quốc gia, *tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.*

3. *Người có tài sản trưng mua* là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản thuộc đối tượng trưng mua.

4. *Người có tài sản trưng dụng* là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng trưng dụng.

Điều 4. Chính sách trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp về tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

2. Người có tài sản trưng mua được thanh toán tiền trưng mua tài sản; người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về tài sản do việc trưng dụng gây ra thì được bồi thường thiệt hại theo giá trị thị trường.

3. Nhà nước khuyến khích và ghi nhận bằng văn bản việc tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự nguyện hiến, tặng cho tài sản cho Nhà nước hoặc cho Nhà nước sử dụng tài sản mà không nhận bồi thường trong trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 5. Nguyên tắc trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh *hoặc* vì lợi ích quốc gia, *tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.*

2. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản và không phân biệt đối xử.

3. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản được thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và phải tuân theo điều kiện, trình tự, thủ tục *theo* quy định tại Luật này và *quy định chi tiết của Chính phủ.*

4. Người có tài sản trưng mua, trưng dụng phải chấp hành quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của người có thẩm quyền.

5. Việc quản lý, sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng phải đúng mục đích *trưng mua, trưng dụng*, tiết kiệm và có hiệu quả.

6. Trường hợp tài sản trưng dụng đang trong tình trạng tranh chấp, thế chấp, bảo đảm nghĩa vụ tín dụng, bảo đảm nghĩa vụ dân sự khác thì tạm hoãn việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong thời gian trưng dụng tài sản.

7. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải đảm bảo không xâm phạm tới dữ liệu cá nhân, dữ liệu bí mật kinh doanh.

8. Người ra quyết định và người trực tiếp tổ chức thực hiện trưng mua, trưng dụng tài sản không phải chịu trách nhiệm khi quyết định, việc tổ chức thực hiện đó dựa trên thông tin có được tại thời điểm ra quyết định, thời điểm tổ chức thực hiện, đúng thẩm quyền và không có động cơ vụ lợi.

Điều 6. Điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản

Việc trưng mua, trưng dụng tài sản chỉ được thực hiện trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

1. Điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản:

a) Không có hàng dự trữ quốc gia để sử dụng hoặc việc xuất cấp hàng dự trữ quốc gia không bảo đảm tính kịp thời.

b) Đã áp dụng các biện pháp huy động tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho Nhà nước theo quy định của các pháp luật có liên quan nhưng không thực hiện được hoặc đã thực hiện nhưng vẫn không bảo đảm nguồn lực tài sản trong các trường hợp thật cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản:

a) Khi đất nước trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc thiết quân luật theo quy định của Luật Quốc phòng.

b) Khi an ninh quốc gia có nguy cơ bị đe dọa theo quy định của Luật An ninh quốc gia, Luật An ninh mạng.

c) Khi đất nước trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của Luật Tình trạng khẩn cấp.

d) Khi chống khủng bố theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố.

đ) Khi phải ứng phó và khắc phục thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, con người, hậu quả chiến tranh gây ra làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự, Luật Phòng, chống thiên tai.

e) Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật khác.

Điều 7. Hình thức và hiệu lực của quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quyết định trưng mua tài sản phải được thể hiện bằng văn bản.

2. Quyết định trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản; trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói để

thực hiện nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm ban hành Quyết định trưng dụng tài sản ngay khi có điều kiện thực hiện.

3. Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành hoặc kể từ thời điểm trưng dụng bằng lời nói.

Điều 8. Hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

- a) Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản trái với quy định của Luật này.
- b) Khi quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản chưa được thực hiện nhưng điều kiện, trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản quy định tại Điều 6 của Luật này không còn.
- c) Khi quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản chưa được thực hiện nhưng vì lý do khách quan mà tài sản đó không còn tồn tại.

2. Khi xảy ra một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản có trách nhiệm hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản. *Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản không thực hiện hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng của mình khi xảy ra một trong những trường hợp phải hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường theo quy định của pháp luật.*

3. Quyết định hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành; người có tài sản trưng mua, trưng dụng được nhận quyết định hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản.

4. Trường hợp quyết định trưng mua tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bị hủy bỏ mà tài sản trưng mua đã được bàn giao, tiếp nhận và người có tài sản trưng mua không nhận lại tài sản thì người có tài sản trưng mua được thanh toán theo quy định tại Điều 19 của Luật này; nếu người có tài sản trưng mua nhận lại tài sản mà việc trưng mua đã gây thiệt hại cho họ thì được bồi thường theo quy định tại Điều 28 của Luật này.

5. Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bị hủy bỏ mà tài sản trưng dụng đã được bàn giao, tiếp nhận thì tổ chức được giao quản lý tài sản có trách nhiệm hoàn trả lại tài sản cho người có tài sản theo quy định tại Điều 27 Luật này; người có tài sản được bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 28 của Luật này.

Điều 9. Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng

1. Quyền sở hữu tài sản trung mua thuộc về Nhà nước kể từ thời điểm quyết định trung mua tài sản có hiệu lực thi hành.

2. Quyền sở hữu tài sản trung dụng vẫn thuộc về người có tài sản trung dụng; quyền quản lý, sử dụng tài sản trung dụng trong thời gian trung dụng thuộc về Nhà nước.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trung mua, trung dụng tài sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trung mua, trung dụng tài sản trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về trung mua, trung dụng tài sản.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về trung mua, trung dụng tài sản theo phân công của Chính phủ và quy định của pháp luật.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trung mua, trung dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trung mua, trung dụng

1. Người có tài sản trung mua, trung dụng có các quyền sau đây:

a) Được thanh toán tiền trung mua tài sản; được hoàn trả tài sản trung dụng và được bồi thường thiệt hại do việc trung dụng tài sản gây ra.

b) Được khen thưởng về thành tích và đóng góp trong hoạt động trung mua, trung dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về trung mua, trung dụng tài sản theo quy định của pháp luật về *khiếu nại, pháp luật về tố cáo, pháp luật về tố tụng hành chính*.

2. Người có tài sản trung mua, trung dụng có nghĩa vụ chấp hành quyết định trung mua, trung dụng tài sản.

Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Trung mua, trung dụng tài sản không đúng đối tượng, điều kiện, trường hợp, thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc trung mua, trung dụng tài sản để tham ô, tham nhũng, trục lợi hoặc vì mục đích cá nhân khác.

3. Trì hoãn, từ chối hoặc chống lại việc thực hiện quyết định trung mua, trung dụng tài sản, quyết định huy động người vận hành, điều khiển tài sản trung dụng.

4. Bán, trao đổi, tặng cho và các giao dịch dân sự khác làm thay đổi quyền sở hữu đối với tài sản đã có quyết định trưng mua, đối với tài sản đã có quyết định trưng dụng trong thời hạn trưng dụng.

5. Hủy hoại, làm thay đổi hiện trạng của tài sản đã có quyết định trưng mua, trưng dụng.

6. Cản trở hoặc xúi giục người khác cản trở việc trưng mua, trưng dụng tài sản.

7. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản trưng mua, trưng dụng trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Công khai và trách nhiệm giải trình khi trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải được thực hiện công khai (trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh).

2. Nội dung công khai:

a) Quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản;

b) Thông tin của tài sản trưng mua, trưng dụng (loại tài sản, số lượng).

c) Thông tin về Quyết định trưng mua tài sản; giá trưng mua tài sản.

d) Thông tin về Quyết định trưng dụng tài sản; thời hạn trưng dụng; giá trị bồi thường khi trưng dụng (nếu có); thời gian hoàn trả tài sản trưng dụng.

đ) Nội dung khác có liên quan.

3. Việc công khai phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, người có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng có trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

5. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, hình thức công khai việc trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 14. Giám sát về hoạt động trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền trưng mua, trưng dụng có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, thông tin; trực tiếp báo cáo, giải trình; thực hiện hoặc trả lời kiến nghị giám sát, trừ thông tin thuộc phạm vi bảo vệ được cung cấp theo chế độ riêng.

4. Hoạt động giám sát không được làm cản trở hoặc chậm trễ việc quyết định, tổ chức thực hiện trưng mua, trưng dụng tài sản trong tình huống cấp bách; không làm ảnh hưởng đến quyền được thanh toán tiền trưng mua, bồi thường, hoàn trả tài sản, khiếu nại, tố cáo và khởi kiện của tổ chức, cá nhân.

Chương II

TRƯNG MUA TÀI SẢN

Điều 15. Tài sản thuộc đối tượng trưng mua

1. Thuốc, vắc xin, vật tư y tế.
2. Lương thực, thực phẩm; vật tư; công cụ, dụng cụ.
3. *Xăng dầu, khí đốt, hoá chất*, nguyên, nhiên, vật liệu khác.
4. Các vật tiêu hao khác.

Điều 16. Quyết định trưng mua tài sản

1. Thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản:
 - a) Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.
 - b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
 - d) Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản theo quy định của Luật khác.

Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản.

2. Quyết định trưng mua tài sản phải được giao cho người có tài sản trưng mua hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản; trường hợp người có tài sản trưng mua hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản vắng mặt thì quyết định trưng mua tài sản phải được giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố nơi có tài sản trưng mua. *Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định trưng mua tài sản bằng phương thức điện tử thì quyết định trưng mua tài sản được gửi tới tài khoản định danh điện tử của cá nhân người có tài sản, người đại diện theo pháp*

luật của tổ chức có tài sản, cá nhân đại diện cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư có tài sản.

3. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định trưng mua tài sản.

Điều 17. Cường chế thi hành quyết định trưng mua tài sản

Trường hợp quyết định trưng mua tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng mua không chấp hành thì người quyết định trưng mua tài sản ra quyết định cường chế thi hành và tổ chức cường chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trưng mua tổ chức cường chế thi hành.

Điều 18. Giá trưng mua tài sản

1. Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản quyết định giá trưng mua tài sản theo nguyên tắc:

a) *Giá trưng mua tài sản được xác định phải bảo đảm phù hợp với giá trị thị trường của tài sản tại thời điểm quyết định trưng mua tài sản.*

b) *Việc xác định giá trưng mua tài sản được thực hiện theo các phương pháp định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mức độ sẵn có của thông tin tại thời điểm trưng mua.*

2. Giá trưng mua tài sản được ghi vào quyết định trưng mua tài sản. Trường hợp người có tài sản trưng mua không đồng ý với giá này thì giá trưng mua tài sản ghi vào quyết định trưng mua tài sản là giá tạm tính, người có tài sản vẫn phải chấp hành quyết định trưng mua tài sản. Sau khi kết thúc tình huống khẩn cấp, người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản xác định lại giá trưng mua, nếu người có tài sản trưng mua vẫn không đồng ý thì có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

3. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục xác định giá, cách xác định giá trưng mua tài sản.

Điều 19. Thanh toán tiền trưng mua tài sản

1. Tiền trưng mua tài sản được thanh toán một lần cho người có tài sản trưng mua trong thời hạn như sau:

a) Không quá *ba mươi ngày*, kể từ ngày quyết định trưng mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật này.

b) Không quá *hai mươi ngày*, kể từ ngày quyết định trưng mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 6 của Luật này.

2. Trường hợp không thể thanh toán kịp theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự thì được gia hạn, nhưng thời gian gia hạn không quá *ba mươi ngày* đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và không quá *hai mươi ngày* đối với

trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Việc gia hạn phải được thông báo bằng văn bản cho người có tài sản trưng mua biết trước khi kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.

3. Kinh phí thanh toán tiền trưng mua tài sản do ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan của người ra quyết định trưng mua tài sản chịu trách nhiệm thanh toán tiền trưng mua tài sản cho người có tài sản trưng mua theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. *Trường hợp cơ quan của người ra quyết định trưng mua chậm thanh toán cho người có tài sản thì phải bồi thường cho người có tài sản trưng mua một khoản tiền cho thời gian chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.*

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản trưng mua

1. Tài sản trưng mua được quản lý, sử dụng để phục vụ theo đúng mục đích tại quyết định trưng mua.

2. Trường hợp sau khi hoàn thành mục đích trưng mua tài sản mà vẫn còn tài sản đã trưng mua thì *việc quản lý, xử lý tài sản trưng mua được thực hiện theo quy định của Chính phủ.*

Điều 21. Hiến, tặng cho tài sản trưng mua

Trường hợp người có tài sản trưng mua tự nguyện hiến, tặng cho tài sản trưng mua cho Nhà nước thì Nhà nước không phải thanh toán tiền cho người hiến, tặng cho tài sản. Việc hiến, tặng cho tài sản được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự. *Việc xử lý tài sản sau khi được hiến, tặng cho được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.*

Chương III

TRƯNG DỤNG TÀI SẢN

Điều 22. Tài sản thuộc đối tượng trưng dụng

1. Nhà, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất.

2. *Khu vực biển đã giao cho tổ chức, cá nhân (trừ khu vực biển đã giao để thực hiện hoạt động lấn biển).*

3. Cơ sở hạ tầng viễn thông, cơ sở hạ tầng thông tin, hạ tầng số, tài sản số và công trình kết cấu hạ tầng khác.

4. Vật nuôi.

5. Máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, phương tiện thông tin liên lạc và phương tiện kỹ thuật khác.

6. *Tài sản thuộc đối tượng trưng dụng theo quy định của Luật khác.*

Điều 23. Quyết định trưng dụng tài sản

1. Thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản:

a) Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản theo quy định của Luật khác.

Người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản.

2. Quyết định trưng dụng tài sản phải được giao cho người có tài sản trưng dụng hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản; trường hợp người có tài sản trưng dụng hoặc người đang quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản trưng dụng vắng mặt thì quyết định trưng dụng tài sản phải được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và chức danh tương đương nơi có tài sản trưng dụng. *Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định trưng dụng tài sản bằng phương thức điện tử thì quyết định trưng dụng tài sản được gửi tới tài khoản định danh điện tử của cá nhân người có tài sản, người đại diện theo pháp luật của tổ chức có tài sản, cá nhân đại diện cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư có tài sản.*

3. Trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói. Khi quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói, người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản phải *ghi âm* hoặc viết giấy xác nhận việc trưng dụng tài sản ngay tại thời điểm trưng dụng và *có trách nhiệm ban hành Quyết định trưng dụng tài sản ngay khi có điều kiện thực hiện.*

4. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự quyết định trưng mua tài sản.

Điều 24. Thời hạn trưng dụng tài sản

1. Thời hạn trưng dụng tài sản bắt đầu từ khi quyết định trưng dụng có hiệu lực thi hành đến không quá ba mươi ngày, kể từ ngày điều kiện trưng dụng tài sản quy định tại Điều 6 của Luật này không còn.

2. Trường hợp hết thời hạn trưng dụng tài sản quy định tại khoản 1 Điều này nhưng mục đích của việc trưng dụng tài sản chưa hoàn thành thì được gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười lăm ngày.

3. Quyết định gia hạn trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho người có tài sản trưng dụng trước khi kết thúc thời hạn trưng dụng.

Điều 25. Cưỡng chế thi hành quyết định trưng dụng tài sản

Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng dụng không chấp hành thì

người quyết định trưng dụng tài sản ra quyết định cưỡng chế thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trưng dụng tổ chức cưỡng chế thi hành.

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng có trách nhiệm sau đây:

1. Sử dụng tài sản đúng mục đích *trưng dụng*, tiết kiệm và có hiệu quả.
2. Bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong thời gian trưng dụng.

Điều 27. Hoàn trả tài sản trưng dụng

1. Tài sản trưng dụng được hoàn trả khi hết thời hạn trưng dụng theo quyết định trưng dụng tài sản. Trường hợp chưa hết thời hạn trưng dụng theo quyết định trưng dụng tài sản nhưng đã hoàn thành mục đích trưng dụng tài sản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản ban hành Quyết định hoàn trả tài sản trưng dụng.

2. *Tài sản hoàn trả phải bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn và công năng sử dụng tại thời điểm trưng dụng.* Việc hoàn trả tài sản trưng dụng phải được lập thành biên bản.

3. Trường hợp *sau 03 lần thông báo* mà người có tài sản trưng dụng hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp tài sản không đến nhận tài sản thì được xác định là người có tài sản từ bỏ quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự; tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng có trách nhiệm xử lý theo quy định áp dụng đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên theo quy định của Chính phủ về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Trường hợp người có tài sản trưng dụng tự nguyện hiến, tặng cho tài sản cho Nhà nước thì xác lập sở hữu quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản đó và xử lý theo quy định của Chính phủ về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Việc hiến, tặng cho tài sản được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra

1. Người có tài sản trưng dụng được bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

- a) Tài sản trưng dụng bị mất.
- b) Tài sản trưng dụng bị hư hỏng.
- c) Người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về thu nhập do việc trưng dụng tài sản trực tiếp gây ra.

2. Mức bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tài sản trưng dụng bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục được thì việc bồi thường được thực hiện bằng tiền. Mức bồi thường bằng tiền được xác định theo quy định về xác định giá trung mua tài sản tại thời điểm bồi thường. Trường hợp tài sản bị mất, bị hư hỏng đã được đóng lệ phí trước bạ thì mức bồi thường bao gồm cả lệ phí trước bạ.

b) Trường hợp tài sản trưng dụng bị hư hỏng mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì việc bồi thường được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng sửa chữa, khôi phục lại tài sản và hoàn trả cho người có tài sản trưng dụng;

Người có tài sản trưng dụng tự sửa chữa, khôi phục lại tài sản và Nhà nước bồi thường số tiền tương ứng với các khoản chi phí có liên quan để sửa chữa, khôi phục lại tài sản căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do người có tài sản cung cấp.

c) Trường hợp người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về thu nhập do việc trưng dụng tài sản trực tiếp gây ra thì mức bồi thường được xác định căn cứ vào mức thiệt hại thu nhập thực tế tính từ ngày bàn giao tài sản trưng dụng đến ngày hoàn trả tài sản trưng dụng.

3. Kinh phí thanh toán tiền bồi thường do ngân sách nhà nước chi trả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan của người ra quyết định trưng dụng tài sản chịu trách nhiệm thanh toán tiền bồi thường cho người có tài sản trưng dụng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn trả tài sản. Trường hợp cơ quan của người ra quyết định trưng dụng chậm thanh toán tiền bồi thường cho người có tài sản trưng dụng thì phải bồi thường cho người có tài sản trưng dụng một khoản tiền cho thời gian chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

Đối với tài sản trưng dụng đã tham gia bảo hiểm bị thiệt hại và được doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chi trả bồi thường bằng hoặc cao hơn mức bồi thường quy định tại Điều này thì ngân sách nhà nước không thực hiện chi trả tiền bồi thường theo quy định tại Điều này. Trường hợp tài sản trưng dụng đã tham gia bảo hiểm bị thiệt hại nhưng không được doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chi trả bồi thường hoặc số tiền bồi thường được doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chi trả thấp hơn mức bồi thường quy định tại khoản này thì số tiền chênh lệch do ngân sách nhà nước chi trả.

4. Trường hợp tài sản trưng dụng là tài sản công tại cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng thì được bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để mua mới hoặc sửa chữa.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.